**ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA HK2 – MÔN ĐỊA LÍ 12**

**I/ LÝ THUYẾT**

**Câu 1:** Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

**B.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

**C.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

**D.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

**Câu 2:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khu vực kinh tế Nhà nước ở Việt Nam?

**A.** Quản lí các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.

**B.** Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

**C.** Tỉ trọng có xu hướng giảm trong cơ cấu GDP.

**D.** Tỉ trọng giữ ổn định trong cơ cấu GDP.

**Câu 3:** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?

**A.** Kinh tế Nhà nước. **B.** Kinh tế tư nhân.

**C.** Kinh tế tập thể. **D.** Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 4:** Điểm đặc biệt nào sau đây **không** đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta?

**A.** Xuất hiện các khu công nghiệp quy mô lớn.

**B.** Miền núi trở thành vùng kinh tế năng động.

**C.** Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.

**D.** Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay?

**A.** Tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm.

**B.** Nhà nước quản lí các ngành then chốt.

**C.** Đáp ứng đầy đủ sự phát triển đất nước.

**D.** Còn chưa theo hướng công nghiệp hóa.

**Câu 6:** Vùng phát triển sản xuất công nghiệp nhất ở nước ta là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 7:** Vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất nước ta là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 8:** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A.** hội nhập kinh tế toàn cầu. **B.** công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**C.** phát triển nền kinh tế thị trường. **D.** phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

**Câu 9:** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

**A.** Giảm tỉ trọng khu vực II.

**B.** Tăng tỉ trọng khu vực III.

**C.** Giảm tỉ trọng khu vực I.

**D.** Khu vực II chiếm tỉ trọng cao nhất.

**Câu 10:** Vùng có năng suất lúa lớn nhất nước ta là

**A.** đồng bằng sông Cửu Long.

**B.** đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.

**D.** đồng bằng sông Hồng.

**Câu 11:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

**A.** cây lương thực. **B.** cây rau đậu. **C.** cây công nghiệp. **D.** cây ăn quả.

**Câu 12:** Trong cơ cấu giá trị ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng có xu hướng tăng nhanh về tỉ trọng những năm gần đây là

**A.** cây lương thực và cây công nghiệp. **B.** cây rau đậu và cây công nghiệp.

**C.** cây rau đậu và cây ăn quả. **D.** cây rau đậu và cây lương thực.

**Câu 13:** Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

**A.** khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. **B.** địa hình chủ yếu là đồi núi.

**C.** thị trường thế giới nhiều biến động. **D.** thiếu nguồn lao động.

**Câu 14:** Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là

**A.** ôn đới. **B.** nhiệt đới. **C.** cận nhiệt. **D.** xích đạo.

**Câu 15:** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** mùa mưa kéo dài làm tăng nguy cơ ngập úng.

**B.** thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

**C.** quỹ đất cho trồng cây công nghiệp ngày càng ít.

**D.** độ dốc địa hình lớn, đất dễ bị thoái hóa.

**Câu 16:** Vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất của nước ta hiện nay là

**A.** Tây Nguyên. **B.** Đông Nam Bộ. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 17:** Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta là

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 18:** Việt Nam là nước đứng hàng đầu thế giới về các loại nông sản như

**A.** cà phê, bông, chè. **B.** cà phê, cao su, hồ tiêu.

**C.** cà phê, đậu tương, hồ tiêu. **D.** cao su, lạc, hồ tiêu.

**Câu 19:** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là

**A.** Đông nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ.

**B.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

**C.** Đông nam Bộ và Tây Nguyên.

**D.** Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 20:** Phần lớn diện tích trồng chè ở Tây Nguyên tập trung tại tỉnh

**A.** Kon Tum. **B.** Gia Lai. **C.** Đắk Lắk. **D.** Lâm Đồng.

**Câu 21:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

**A.** tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.

**B.** số lượng tất cả các loài vật nuôi ở đều tăng ổn định.

**C.** hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.

**D.** sản xuất hàng hóa là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.

**Câu 22:** Nguồn cung cấp thịt chủ yếu trên thị trường nước ta hiện nay là từ chăn nuôi

**A.** lợn. **B.** gia cầm. **C.** trâu. **D.** bò.

**Câu 23:** Hai vùng phát triển nhất cả nước về chăn nuôi lợn và gia cầm là

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Đông nam Bộ.

**B.** Đông nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Đồng bằng sông Cửu Long và Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 24:** Đàn gia cầm ở nước ta có xu hướng **không** ngừng tăng lên chủ yếu là do

**A.** có nguồn thức ăn dồi dào từ ngành trồng trọt.

**B.** nhu cầu thịt, trứng tiêu dùng ngày càng tăng.

**C.** dịch vụ thú y được chú trọng phát triển hơn.

**D.** chính sách phát triển chăn nuôi của Nhà nước.

**Câu 25:** Cây công nghiệp lâu năm của nước ta chủ yếu là

**A.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, mía.

**B.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dứa, lạc.

**C.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, chè.

**D.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, thuốc lá.

**Câu 26:** Các cây công nghiệp hàng năm ở nước ta chủ yếu là

**A.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, dừa.

**B.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, hồ tiêu, thuốc lá.

**C.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, thuốc 1á.

**D.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, chè, dâu tàm, thuốc lá.

**Câu 27:** Cây ăn quả, cây dược liệu, cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng Bằng Sông Hồng.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 28:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn ở nước ta?

**A.** Cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt.

**B.** Có nhiều mặt bằng để tập trung chuồng trại.

**C.** Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến thịt.

**D.** Nhu cầu thịt, trứng của người dân lớn.

**Câu 29:** Vùng nào sau đây có nghề nuôi tôm phát triển nhất nước ta?

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 30:** Nghề nuôi cá ba sa trong lồng bè phát triển mạnh trên các sông nào của nước ta?

**A.** Sông Hồng, sông Thái Bình. **B.** Sông Mã, sông Cả.

**C.** Sông Sài Gòn, sông Đồng Nai. **D.** Sông Tiền, sông Hậu.

**Câu 31:** Nhận xét nào sau đây **không** đúng với hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta?

**A.** Khai thác thủy sản nội địa chiếm tỉ trọng nhỏ.

**B.** Sản lượng khai thác luôn cao hơn nuôi trồng.

**C.** Sản lượng khai thác cá biển chiếm tỉ trọng lớn.

**D.** Khai thác xa bờ đang được đẩy mạnh.

**Câu 32:** Điều kiện nào **không** phải là yếu tố thuận lợi để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta?

**A.** Vùng biển rộng, giàu tài nguyên khoáng sản.

**B.** Có nhiều ngư trường.

**C.** Có nhiều bão, áp thấp và các đợt không khí lạnh.

**D.** Nhiều vũng, vịnh, đầm phá ven bờ.

**Câu 33:** Vùng nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta?

**A.** Vùng duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Vùng Đông Nam Bộ.

**C.** Vùng đồng bằng sông Hồng. **D.** Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 34:** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên với phát triển ngành thủy sản nước ta là

**A.** bão. **B.** lũ lụt. **C.** hạn hán. **D.** sạt lở bờ biển.

**Câu 35:** Ngư trường nằm ngoài khơi xa của vùng biển nước ta là

**A.** Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa. **B.** Cà Mau - Kiên Giang.

**C.** Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu. **D.** Hải Phòng - Quảng Ninh.

**Câu 36:** Tỉnh đứng đầu cả nước về sản lượng khai thác thủy sản ở nước ta là

**A.** Kiên Giang. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Bình. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 37:** Nước ta có mấy ngư trường trọng điểm?

**A.** 4. **B.** 5. **C.** 6. **D.** 7

**Câu 38:** Ngư trường nào sau đây **không** phải là ngư trường trọng điểm ở nước ta?

**A.** Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang.

**B.** Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

**C.** Ngư trường Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh.

**Câu 39:** Loại rừng có diện tích lớn nhất nước ta hiện nay là

**A.** Rừng phòng hộ. **B.** Rừng sản xuất. **C.** Rừng đặc dụng. **D.** Rừng trồng.

**D.** Ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh.

**Câu 40:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

**A.** đường bờ biển dài, nhiều ngư trường, hải sản phong phú.

**B.** có nhiều sông suối, kênh rạch, ao, hồ.

**C.** có nhiều hồ thủy lợi, thủy điện.

**D.** nhiều sông suối, ao hồ, bãi triều, đầm phá, vũng. vịnh.

**Câu 41:** Nuôi trồng thủy sản nước lợ của nước ta phát triển thuận lợi ở những nơi nào sau đây?

**A.** Hồ thủy lợi, ruộng lúa ở các đồng bằng.

**B.** Sông ngòi, hồ, vũng trũng ở đồng bằng.

**C.** Bãi triều, đầm, phá, dải rừng ngập mặn.

**D.** Vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo.

**Câu 42:** Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

**A.** Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

**B.** Đầu tư mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.

**C.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**D.** Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

**Câu 43:** Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

**A.** mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.

**B.** tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.

**C.** sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.

**D.** số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.

**Câu 44:** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta **không** phải là ngành

**A.** có thế mạnh lâu dài.

**B.** mang lại hiệu quả cao.

**C.** dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài.

**D.** có tác động mạnh mẽ đến các ngành khác.

**Câu 45:** Ngành nào sau đây **không** được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

**A.** Luyện kim. **B.** Năng lượng.

**C.** Sản xuất hàng tiêu dùng. **D.** sản xuất vật liệu xây dựng.

**Câu 46:** Ngành công nghiệp nào dưới đây là ngành công nghiệp trọng điểm?

**A.** Đóng tàu, ô tô. **B.** Luyện kim.

**C.** Năng lượng. **D.** Khai thác, chế biến lâm sản.

**Câu 47:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

**A.** Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

**B.** Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.

**C.** Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**D.** Giảm tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

**Câu 48:** Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất trong cả nước là

**A.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận. **B.** Duyên hải NamTrung Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 49:** Ý nào sau đây **không** đúng với ngành công nghiệp trọng điểm?

**A.** Sử dụng rất ít lao động trình độ cao.

**B.** Có thế mạnh lâu dài.

**C.** Hiệu quả kinh tế cao.

**D.** Tác động mạnh mẽ đến ngành khác.

**Câu 50:** Theo cách phân loại hiện hành nước ta có

**A.** 2 nhóm với 28 ngành. **B.** 3 nhóm với 29 ngành.

**C.** 4 nhóm với 30 ngành. **D.** 5 nhóm với 31 ngành.

**II/ KỸ NĂNG**

1. Đọc Atlat
2. Nhận xét bảng số liệu
3. Nhận diện biểu đồ (tròn, cột,miền, đường, kết hợp)
4. Bài tập tính toán: tính tỉ trọng trong cơ cấu; tính tốc độ tăng trưởng.

* Tính tỉ trọng: (Số liệu thành phần/số liệu tổng) x100
* Tính tốc độ tăng trưởng: (Số liệu năm cần tính/số liệu năm gốc) x100